TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG TỈNH VĨNH LONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2020/HN-ST
Ngày: 24 - 3 - 2020
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG - TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị Chi

Bà Võ Thị Mỹ Ngọc

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Trà My - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa:*** (Không tham gia)

Trong ngày 24 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 410/2019/TLST-HNGĐ ngày 05/12/2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Quang N, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà M, đường L, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn L – Công ty Luật K thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Bà Lê Nguyễn Hồng H, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà B, khóm T1, phường T2, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/9/2019 và quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Quang N trình bày:

Ông N và bà Lê Nguyễn Hồng H đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 58/2015, quyển số 01/2015 vào ngày 19/11/2015, tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố V (nay là phường T, thành phố V). Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do bất đồng ý kiến, thiếu sự quan tâm lẫn nhau. Ông N yêu cầu ly hôn bà H.

Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Bảo Nhật Q, sinh ngày 20/11/2015 đang do bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông N đồng ý giao bà H nuôi dưỡng Nguyễn Bảo Nhật Q, tự nguyện cấp dưỡng con chung mức cấp dưỡng 5.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

Ông N đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Đối với bị đơn Lê Nguyễn Hồng H: Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án không nhận văn bản trình bày ý kiến của bà H gửi Tòa án. Tòa án cũng không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được do bà H vắng mặt hai lần, không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nguyên đơn cùng có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn gửi Luận cứ trình bày quan điểm như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuyên ông N và bà H ly hôn. Công nhận sự tự nguyện ông N giao bà H nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Bảo Nhật Q, sinh ngày 20/11/2015. Công nhận sự tự nguyện của ông N cấp dưỡng con chung mức cấp dưỡng 5.000.000đ/tháng cho đến khi Nguyễn Bảo Nhật Q đủ 18 tuổi. Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có. Án phí: Ông N đồng ý nộp theo pháp luật quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông N là người có quyền khởi kiện bà H tranh chấp ly hôn. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố Vĩnh Long, nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long. Nguyên đơn, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai, dù đã được triệu tập hợp lệ. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông N, bà H, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Vì vậy, thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo quy định tại các Điều 28, 35, 39, 186, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Mâu thuẫn vợ chồng ông N, bà H phát sinh do bất đồng ý kiến, thiếu sự quan tâm lẫn nhau, dẫn đến vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Bà H đã được tống đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, nhưng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu do nguyên đơn đưa ra.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng của ông N, bà H không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không còn sự tự nguyện của ông N. Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nhưng hai bên không tìm ra giải pháp để hòa hợp, hàn gắn tình cảm. Vì vậy, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N về việc ly hôn bà H.

[3] Về con chung: Ông N, bà H có 01 con chung tên Nguyễn Bảo Nhật Q, sinh ngày 20/11/2015. Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của ông N, buộc ông N giao bà H nuôi dưỡng một con chung tên Nguyễn Bảo Nhật Q, sinh ngày 20/11/2015; buộc phải cấp dưỡng Nguyễn Bảo Nhật Q mức cấp dưỡng 5.000.000đ/tháng cho đến khi Nguyễn Bảo Nhật Q đủ 18 tuổi.

[4] Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Nợ chung: Không có. Án phí: Ông N buộc phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng con chung.

Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 92, 147, 186, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang N.

Ông Nguyễn Quang N và bà Lê Nguyễn Hồng H ly hôn với nhau.

Con chung: Buộc ông Nguyễn Quang N giao bà Lê Nguyễn Hồng H nuôi dưỡng một con chung tên Nguyễn Bảo Nhật Q, sinh ngày 20/11/2015. Ông Nguyễn Quang N buộc phải cấp dưỡng Nguyễn Bảo Nhật Q mức cấp dưỡng 5.000.000đ (năm triệu đồng)/tháng cho đến khi Nguyễn Bảo Nhật Q đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

2. Buộc ông Nguyễn Quang N nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng con chung, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số No 0004930 ngày 01/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V nên ông Nguyễn Quang N buộc phải nộp thêm 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát: 1;
- Chi cục Thi hành án: 1;
- UBND phường T, Tp V: 1;
- Đương sự: 2;
- Lưu: 5.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Vân